

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: **14/2021/HS-ST**
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Thanh Tùng

2 - Ông Nguyễn Văn Quế

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Hà - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa tham gia phiên tòa: Ông Văn Đức Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa - tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2020/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hồ Th T.** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 01 tháng 8 năm 1980; Tại thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khối S, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Con ông: Hồ N T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Th T, sinh năm 1957.

Đều trú tại: Khối S, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Có vợ là Hoàng Th H, sinh năm 1987 và có 03 người con, con lớn 16 tuổi, con nhỏ 02 tuổi.

Đều trú tại: Khối S, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/12/2020 đến ngày 22/12/2020 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Th H.** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 10 tháng 9 năm 1989; Tại huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khối Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Con ông Trần C H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Th T, sinh năm 1966.

Đều trú tại: Khối x, thị trấn C, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Có chồng là Trương T M, sinh năm 1989 và có 02 người con, con lớn 9 tuổi, con nhỏ 6 tuổi.

Điều trú tại: Khối Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/12/2020 đến ngày 22/12/2020 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

***) Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Tuấn A - sinh năm 1986.

Trú tại: Xóm L, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

- Chị Bùi Thị Th - Sinh năm 1975

Trú tại: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

Anh Phạm Văn D: Sinh năm - 1974

Trú tại: Khối x, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ an

Vắng mặt.

Anh Mai Kim T: Sinh năm - 1963

Trú tại: Khối T, phường M, thành phố V, tỉnh Nghệ an

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước với nhau nên giữa Hồ Th T cùng với Trần Th H đã bàn bạc, thống nhất với nhau góp vốn đứng ra cho những người có nhu cầu cần vay vốn với lãi suất cho vay là 3.000đ (Ba nghìn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 ngày (tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm). Khi có khách hàng vay tiền thì liên hệ qua Trần Th H rồi trực tiếp gặp Hồ Th T để vay tiền bằng hình thức thế chấp tài sản và Trần Th H là người trực tiếp thu tiền lãi của người vay tiền rồi chuyển lại tiền lãi cho Hồ Th T theo tỷ lệ phần trăm góp vốn. Bằng thủ đoạn trên, Hồ Th T và Trần Th H đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với các cá nhân cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 08/10/2020, do cần có vốn đầu tư, kinh doanh nên anh Lê T A (sinh năm 1986, trú tại xóm L, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) gặp Trần Th H để nhờ giới thiệu vay vốn với số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tài sản cầm cố, thế chấp là một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio màu bạc, biển kiểm soát: 37A-264.xx của anh Phạm V D (sinh năm 1974, trú tại phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) mà Lê T A mượn trước đó của anh D thì được H đồng ý. Sau đó H đã gặp thỏa thuận, thống nhất với Hồ Th T lãi suất vay là 3.000đ (Ba nghìn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 ngày và T bỏ ra số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), H bỏ ra số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để cho anh Lê A T vay, H là người giữ chiếc xe ô tô và thu tiền lãi

còn T giữ giấy tờ xe ô tô mà anh T A thế chấp, tiền lãi hưởng theo tỷ lệ phần trăm số tiền gốc của mỗi người bỏ ra. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, tại nhà T hai bên đã giao tiền vay và bàn giao tài sản thế chấp với nhau. Số ngày mà anh Lê T A vay tiền của T và H là 38 ngày, cụ thể các lần trả tiền lãi như sau: Ngay sau khi cho anh Lê T A vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), T cắt lãi 05 ngày với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), T chia cho H số tiền lãi là 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 24/10/2020 anh Lê T A dùng tài khoản ngân hàng BIDV số 5131000056XXX của mình chuyển qua tài khoản ngân hàng BIDV số 51310000484XXX của H chuyển số tiền lãi là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) cho H, sau đó H chuyển khoản cho T số tiền lãi T được hưởng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Ngày 10/11/2020 anh Lê T A tiếp tục dùng số tài khoản trên chuyển cho H số tiền lãi là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), H chuyển cho T tiền lãi là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Ngày 10/12/2020 anh Lê T A chuyển tiền lãi cho H số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) cũng qua số tài khoản trên, H đã chuyển tiền lãi cho T là 5.850.000đ (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, anh Lê T A đã 04 lần trả tiền lãi cho Hồ Th T và Trần Th H với số tiền là 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng), trong đó, T hưởng số tiền lãi là 15.900.000đ (Mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng), H hưởng số tiền lãi là 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng). Số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) anh Lê T A chưa trả cho Hồ Th T và Trần Th H.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi xuất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi xuất cho phép thu là: $200.000.000đ \times 0,054794\% \times 38 \text{ ngày} = 4.164.344đ$ (Bốn triệu một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Hồ Th T và Trần Th H đã cho Lê T A vay với lãi xuất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi xuất mà anh Lê T A trả cho Hồ Th T và Trần Th H trong vòng 38 ngày là $23.000.000đ - 4.164.344đ = 18.835.656đ$. Như vậy, Hồ Th T và Trần Th H thu lợi bất chính số tiền: 18.835.656đ (Mười tám triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng), trong đó T thu lợi bất chính số tiền: 13.021.089đ, H thu lợi bất chính số tiền: 5.814.567đ.

Lần thứ hai: Vào ngày 12/10/2020, Bùi Thị T (sinh năm 1975, trú tại xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) cần vốn đầu tư, kinh doanh nên gặp Trần Th H đặt vấn đề vay vốn với số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), tài sản cầm cố, thế chấp vay vốn là một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubshi PaJero, biển kiểm soát: 37A-160.xx của anh Mai K T (sinh năm 1963, trú tại phường M, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) mà chị T mượn của anh T trước đó thì được H đồng ý. Cùng ngày, H đã thỏa thuận, thống nhất với Hồ Th T lãi xuất cho vay là 3.000đ (Ba nghìn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 ngày và T bỏ ra số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), H bỏ ra số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để cho chị T vay. T là người giữ chiếc xe ô tô và giấy tờ xe ô tô mà chị T cầm cố thế chấp, tiền lãi hưởng theo tỷ lệ phần trăm số tiền gốc của mỗi người bỏ ra. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, tại nhà T hai bên đã giao tiền vay và bàn giao tài sản thế chấp với nhau. Số ngày mà chị Bùi Thị T vay tiền đã trả lãi cho T và H là 33

ngày, cụ thể các lần trả tiền lãi như sau: Ngay sau khi cho chị Bùi Thị Th vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), T cắt lãi số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), T chia chia tiền lãi cho H 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 24/10/2020 chị Bùi Thị T dùng tài khoản ngân hàng BIDV số 51310000143XXX của mình chuyển qua tài khoản ngân hàng BIDV số 5131000048XXX của H chuyển số tiền lãi là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho H, sau đó H chuyển khoản cho T số tiền lãi Tiến là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Ngày 08/11/2020 chị Bùi Thị T tiếp tục dùng số tài khoản trên chuyển cho H số tiền lãi là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), lần này H không cắt lãi mà chuyển cho T số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Ngày 12/12/2020 chị Bùi Thị T chuyển tiền lãi cho H số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) cũng qua số tài khoản trên, số tiền này H chưa chuyển tiền lãi cho T. Số tiền lãi còn lại và tiền gốc 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) chị Bùi Thị T chưa trả cho T và H. Như vậy, chị Bùi Thị T đã 04 lần trả tiền lãi cho Hồ Th T và Trần Th H với số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), trong đó, T hưởng số tiền lãi là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), H hưởng số tiền lãi là 9.000.000 đồng.

Theo quy định, mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi xuất cho phép thu là: $250.000.000đ \times 0,054794\% \times 33 \text{ ngày} = 4.520.505đ$ (Bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm linh năm đồng) (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Hồ Th T và Trần Th H đã cho chị Bùi Thị Th vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi xuất mà chị Bùi Thị T đã trả cho Hồ Th T và Trần Th H trong vòng 33 ngày là $25.000.000đ - 4.520.505đ = 20.479.495đ$. Như vậy, Hồ Th T và Trần T H thu lợi bất chính số tiền: 20.479.495đ (Hai mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng), trong đó T thu lợi bất chính số tiền: 13.106.877đ (Mười ba triệu một trăm linh sáu nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng), H thu lợi bất chính số tiền: 7.372.816đ (Bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn tám trăm mười sáu đồng).

Như vậy, Hồ Th T và Trần T H thông qua hai lần giao dịch dân sự với hai cá nhân đã cho vay tổng số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) với mức lãi suất 109,5%/năm, tổng số tiền lãi mà Hồ Th T và Trần Th H đã thu là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: 39.315.151đ (Ba mươi chín triệu ba trăm mười lăm nghìn một trăm năm mươi một đồng), T thu lợi bất chính số tiền 26.127.966đ, H thu lợi bất chính số tiền 13.187.383 đồng.

Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 19/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Thái Hoà đã truy tố các bị cáo Hồ Th T và Trần Th H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Thái Hoà giữ nguyên quan điểm như đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm s, t khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 36 - BLHS xử phạt bị cáo Hồ Th T từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 20% thu nhập và xử phạt Trần Th H từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 20% thu nhập.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu bán sung vào ngân sách nhà nước hai chiếc điện thoại thu của T và H vì liên quan đến tội phạm. Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.684.849 đồng thu của T và H để xử lý trong quá trình thi hành án.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tại anh Lê T A số tiền 200.000.000 đồng và tại chị Bùi Thị T 250.000.000 đồng vì đây là tiền dùng vào việc phạm tội, buộc T và H phải trả lại tiền lãi suất bất chính cho anh Lê T A và chị Bùi Thị T. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tại T và H tiền lãi suất theo quy định 20%/năm.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Bị cáo T nói lời sau cùng: “*Bị cáo xin giảm nhẹ*”.

Bị cáo H nói lời sau cùng: “*Bị cáo xin giảm nhẹ*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thái Hoà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Thái Hoà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cũng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, từ đó đã xác định được. Vào ngày 08/10/2020 anh Lê T A đã vay của Hồ Th T và Trần Th H số tiền 200.000.000 đồng, trong đó T bỏ ra số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), H bỏ ra số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) lãi suất vay là 3.000đ (Ba nghìn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm. Việc tính tiền lãi bắt đầu từ thời điểm vay từ ngày 08/10/2020 đến ngày 14/11/2020 là 38 ngày Lê T A đã trả cho T và H số tiền là 23.000.000 đồng. Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm, bằng 0,054794%/ngày, theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà T và H được hưởng trong 38 ngày là 4.164.344 đồng, nhưng lãi suất mà Lê T A đã trả cho T và H là 23.000.000 đồng. Như vậy T và H đã thu lợi bất chính số tiền là 18.835.656 đồng. Tiếp theo vào ngày 12/10/2020, chị Bùi Thị Th đã vay của Hồ Th T và Trần Th H số tiền 250.000.000 đồng, trong đó T bỏ ra số tiền 200.000.000 đồng, H bỏ ra số tiền 50.000.000 đồng lãi suất vay là 3.000đ (Ba nghìn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 ngày tương đương mức lãi suất 109,5%/năm. Việc tính tiền lãi bắt đầu từ thời điểm vay từ ngày 12/10/2020 đến ngày 13/11/2020 là 33 ngày, chị Bùi Thị T đã trả cho T và H số tiền là 25.000.000

đồng. Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm, bằng 0,054794%/ngày, theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà T và H được hưởng trong 33 ngày là 4.520.505 đồng, nhưng lãi suất mà chị Bùi Thị Th đã trả cho T và H là 25.000.000 đồng. Như vậy T và H đã thu lợi bất chính số tiền là 20.479.495 đồng

Như vậy, Hồ Th T và Trần Th H thông qua hai lần giao dịch dân sự với hai cá nhân đã cho vay tổng số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) với mức lãi suất 109,5%/năm, tổng số tiền lãi mà Hồ Th T và Trần Th H đã thu là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: 39.315.151đ (Ba mươi chín triệu ba trăm mười lăm nghìn một trăm năm mươi một đồng),

Thấy rằng lãi suất các bên đã thực hiện là 3.000 đồng/ 1.000.000/ 1 ngày bằng 109,5%/ năm. Vượt lãi suất cao nhất cho phép 20%/năm theo quy định tại điều 468 - Bộ luật dân sự là 5,4 lần, tổng số tiền thu lợi bất chính là 39.315.151 đồng. Như vậy có đủ cơ sở kết luận Hồ Th T và Trần Th H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" phạm vào khoản 1 điều 201 - BLHS năm 2015.

[3] Xét thấy tình hình hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn thị xã Thái Hòa nói riêng và trên cả nước nói chung đang diễn biến ngày càng phức tạp cả về tính chất mức độ phương thức và thủ đoạn. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an chung tại địa phương, đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, nên cần xét xử nghiêm. Tuy nhiên xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, về tình tiết giảm nhẹ các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 - BLHS nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt. Tuy nhiên cần xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo mới đủ nghiêm.

Thấy rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay xác định được Hồ Th T và Trần Th H làm nghề lao động tự do và đều có thu nhập 3.000.000 đồng/tháng, nên cần khấu trừ 10% thu nhập của mỗi bị cáo là phù hợp. Như vậy mỗi tháng cần khấu trừ thu nhập bị cáo T và H mỗi bị cáo 300.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: Hai chiếc điện thoại thu của T và H là tài sản dùng vào việc thực hiện tội phạm nên cần tịch thu bán sung vào ngân sách nhà nước. Cần tiếp tục tạm giữ số tiền 8.684.849 đồng do T và H nộp để đảm bảo trong quá trình thi hành án.

- Biện pháp tư pháp: Cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền vay gốc tại anh Lê T A là 200.000.000 đồng và tại chị Bùi Th T là 250.000.000 đồng vì toàn bộ số tiền này là tiền dùng vào việc phạm tội.

Đối với tiền lãi suất do anh Lê T A đã trả nhiều lần cho T và H tổng cộng là 23.000.000 đồng thì trong đó T đã nhận là 15.900.000 đồng và H đã nhận 7.100.000

đồng. Xét trong số tiền lãi suất 15.900.000 đồng mà T đã nhận hưởng thì lãi suất hợp pháp 20%/ năm là 2.878.911 đồng cần phải truy thu sung vào ngân sách nhà nước, số tiền lãi suất còn lại 13.021.089 đồng là tiền lãi suất bất chính cần buộc T phải trả lại cho anh Lê T A. Còn đối với số tiền lãi suất 7.100.000 đồng H nhận hưởng thì lãi suất hợp pháp 20%/ năm là 1.285.433 đồng cần phải truy thu sung vào ngân sách nhà nước, số tiền lãi suất còn lại 5.814.567 đồng là tiền lãi suất bất chính cần buộc H phải trả lại cho anh Lê T A .

Đối với tiền lãi suất do chị Bùi Thị T đã trả nhiều lần cho T và H tổng cộng là 25.000.000 đồng thì trong đó T đã nhận là 16.000.000 đồng và H đã nhận 9.000.000 đồng. Xét trong số tiền lãi suất 16.000.000 đồng mà T đã nhận hưởng thì lãi suất hợp pháp 20%/ năm là 2.893.123 đồng cần phải truy thu sung vào ngân sách nhà nước, số tiền lãi suất còn lại 13.106.877 đồng là tiền lãi suất bất chính cần buộc T phải trả lại cho chị T. Còn đối với số tiền lãi suất 9.000.000 đồng H nhận hưởng thì lãi suất hợp pháp 20%/ năm là 1.627.382 đồng cần phải truy thu sung vào ngân sách nhà nước, số tiền lãi suất còn lại 7.372.816 đồng là tiền lãi suất bất chính cần buộc H phải trả lại cho chị T.

Như vậy cần phải truy thu tại Hồ Th T sung vào ngân sách nhà nước số tiền lãi suất hợp pháp mà anh Lê T A và chị Bùi Thị T đã trả cho T là 5.772.034 đồng và buộc T phải trả lại cho anh Lê T A số tiền thu lợi bất chính là 13.021.989 đồng và trả lại cho chị Bùi Thị T tiền thu lợi bất chính là 13.106.877 đồng. Truy thu tại Trần Th H sung vào ngân sách nhà nước số tiền lãi suất hợp pháp mà anh Lê T A và chị Bùi Thị T đã trả cho H là 2.912.815 đồng và buộc H phải trả lại cho anh Lê T A số tiền thu lợi bất chính là 5.814.567 đồng và trả lại cho chị Bùi Thị T tiền thu lợi bất chính là 7.372.816 đồng.

[6] Về án phí: Cần buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, Điều 201; Điều i, s, khoản 1, Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 36 - BLHS năm 2015. Tuyên bố các bị cáo Hồ Th T và Trần Th H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt Hồ Th T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ đi 27 ngày tương đương với 09 (Chín) ngày đã bị tạm giữ. Khấu trừ 10% thu nhập của T mỗi tháng là 300.000 đồng. Tổng số tiền khấu trừ thu nhập là 3.330.000 đồng.

Xử phạt Trần Th H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ đi 27 ngày tương đương với 09 (Chín) ngày đã bị tạm giữ. Khấu trừ 10% thu nhập của H mỗi tháng là 300.000 đồng. Tổng số tiền khấu trừ thu nhập là 2.430.000 đồng.

Giao Hồ Th T và Trần Th H về cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ an giám sát giáo dục. Gia đình Hồ Th T và Trần Th H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T trong việc giám sát giáo dục T và H.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu bán sung vào ngân sách nhà nước hai chiếc điện thoại thu của T và H vì đó là tài sản dùng vào việc thực hiện tội phạm gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel màu đen, đỏ, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0973.444.XXX (Thu của T) và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu trắng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0973.572.XXX (Thu của H). Tiếp tục tạm giữ số tiền T nộp là 6.323.228 đồng và H nộp là 2.361.621 đồng tổng cộng là 8.684.849 đồng có tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã T tại Kho bạc nhà nước thị xã T để đảm bảo trong quá trình thi hành án. Toàn bộ số vật chứng này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 26 tháng 02 năm 2021.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHStruy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền vay gốc tại anh Lê T A là 200.000.000 đồng và tại chị Bùi Thị T là 250.000.000 đồng. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước tại Hồ Th T tiền lãi suất trong quy định mà anh Lê T A và chị Bùi Thị T đã trả cho Tiến là 5.772.034 đồng. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước tại Trần Th H tiền lãi suất trong quy định mà anh Lê T A và chị Bùi Thị T đã trả cho H là 2.912.815 đồng. Buộc Hồ Th T phải trả lại cho anh Lê T A số tiền thu lợi bất chính là 13.021.089 đồng và trả lại cho chị T số tiền thu lợi bất chính là 13.106.877 đồng. Buộc Trần Th H phải trả lại cho anh Lê T A số tiền thu lợi bất chính là 5.814.567 đồng và trả lại cho chị Th số tiền thu lợi bất chính là 7.372.816 đồng.

Án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án). Buộc các bị cáo Hồ Th T và Trần Th H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Nghệ an trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Nghệ an trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Bị cáo;
- VKSND thị xã Thái Hoà;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an thị xã Thái Hoà;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hoà;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Sơn

